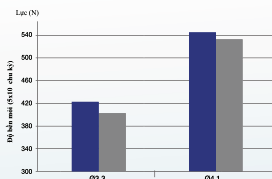
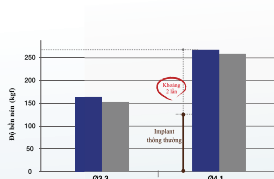


GIẢI PHÁP CẮM IMPLANT TỨC THÌ CHO VÙNG RĂNG CỐI

**BLUE
DIAMOND**
IMPLANT

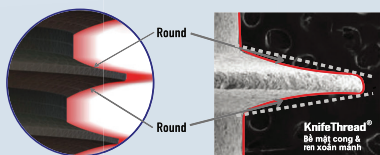
MỤC TIÊU "ZERO FRACTURE"

Tăng 200% độ bền nén nhờ được làm từ Titanium nguyên chất đảm bảo độ ổn định sinh học dài hạn.



KẾT NỐI VÀ ĐỊNH VỊ CHÍNH XÁC VỚI X-FIT

Kết nối trong dạng côn, góc 30° và cấu trúc khóa kép trong giúp Implant hạn chế nứt cổ và lỏng vít.



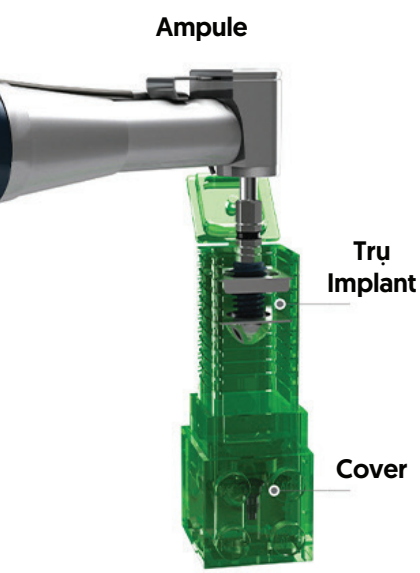
ĐỘ ỔN ĐỊNH SƠ KHởi TỐT Ở MỌI LOẠI XƯƠNG

Ren sâu & thiết kế KnifeThreads giúp đảm bảo độ nén ngay cả với điều kiện xương xốp.

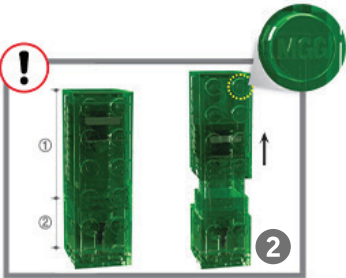


S-L-A kết hợp XPEED Ca2+ trên bề mặt titanium nguyên chất, tích hợp xương nhanh chóng và bền vững





Xé mở tem đậy & lấy ampule ra.



Tách phần (1) & phần (2), như hình trên đây, để bộc lộ bên trong ampule chứa trụ implant.



Mở nhẹ nắp bên trên để thấy trụ implant.



Kết nối tay khoan với trụ implant.



Đảm bảo chắc chắn rằng trụ đã được kết nối hoàn toàn, sau đó tháo rời hoàn toàn.



Tách phần chứa trụ khỏi phần bên dưới, như hình bên trên, để bộc lộ cover screw(3).



Dùng driver vận bằng tay để lấy cover screw.



Siết cover screw vào trụ Implant.



Dùng driver vận bằng tay để lấy cover screw



Siết cover screw vào trụ Implant

MegaGen Ampule – sưu tập và lắp ghép logo thành những mô hình độc đáo!

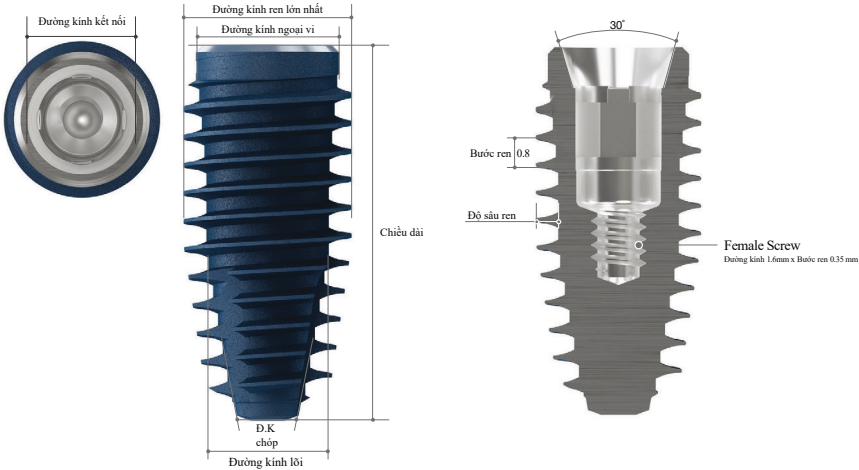
Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB

	Đường kính trụ							
	Ø3.3	Ø3.7	Ø4.1	Ø4.4	Ø4.8	Ø5.3	Ø5.8	Ø6.3
Ren trung bình (Regular)								
Độ sâu ren	0.4	0.4	0.45	0.45	0.4	0.55		
Ren sâu (Deep)								
Độ sâu ren	0.6	0.6	0.65	0.65	0.65	0.75	1.0	1.25



- Ren trung bình (REGULAR) khuyến nghị dành cho xương đặc (D1 & D2).
- Ren sâu (DEEP) khuyến nghị dành cho xương xốp hoặc mật độ kém (D3 & D4)

Đường kính trụ	Ren trung bình	Ren sâu	Đường kính ngoại vi	Đường kính chóp	Đường kính lõi	Ren trung bình	Ren sâu	Dài	Đường kính kết nối
Ø3.3	Ø3.6	Ø4.0	Ø3.3	Ø1.1	Ø2.8	0.4	0.6	7 / 7.7 / 9.2 / 10.7 / 12.2 / 14.2 / 17.2	Ø2.8
Ø3.7	Ø4.0	Ø4.4	Ø3.7	Ø1.4	Ø3.2	0.4	0.6		Ø2.8
Ø4.1	Ø4.4	Ø4.8	Ø4.1	Ø1.9	Ø3.5	0.45	0.65		Ø3.3
Ø4.4	Ø4.7	Ø5.1	Ø4.4	Ø2.1	Ø3.8	0.45	0.65		Ø3.3
Ø4.8	Ø5.0	Ø5.5	Ø4.8	Ø2.4	Ø4.2	0.4	0.65		Ø3.3
Ø5.3	Ø5.6	Ø6.0	Ø5.3	Ø2.8	Ø4.5	0.55	0.75		Ø3.3
Ø5.8		Ø6.5	Ø5.3	Ø2.8	Ø4.5		1.0		Ø3.3
Ø6.3		Ø7.0	Ø5.3	Ø2.8	Ø4.5		1.25		Ø3.3



Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB

NC

Đường kính Implant	Kiểu kết nối	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø3.3 (ĐẶT TRƯỚC)	NC	7	ARO3307C
		8.5	ARO3308C
		10	ARO3310C
		11.5	ARO3311C
		13	ARO3313C
		15	ARO3315C
		18	ARO3318C



NC

Đường kính Implant	Kiểu kết nối	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø3.7 (ĐẶT TRƯỚC)	NC	13	ARO3713C
	NC	7	ARO3707C
		8.5	ARO3708C
		10	ARO3710C
		11.5	ARO3711C
		15	ARO3715C
		18	ARO3718C



RC

Đường kính Implant	Kiểu kết nối	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø4.1	RC	10	ARO4110C
		11.5	ARO4111C
		13	ARO4113C
Ø4.1 (ĐẶT TRƯỚC)	RC	7	ARO4107C
		8.5	ARO4108C
		15	ARO4115C
		18	ARO4118C



RC

Đường kính Implant	Kiểu kết nối	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø4.4 (ĐẶT TRƯỚC)	RC	7	ARO4407C
		8.5	ARO4408C
		10	ARO4410C
		11.5	ARO4411C
		13	ARO4413C
		15	ARO4415C
		18	ARO4418C



RC

Đường kính Implant	Kiểu kết nối	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø4.8 (ĐẶT TRƯỚC)	RC	7	ARO4807C
		8.5	ARO4808C
		10	ARO4810C
		11.5	ARO4811C
		13	ARO4813C
		15	ARO4815C
		18	ARO4818C



RC

Đường kính Implant	Kiểu kết nối	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø5.3 (ĐẶT TRƯỚC)	RC	7	ARO5307C
		8.5	ARO5308C
		10	ARO5310C
		11.5	ARO5311C
		13	ARO5313C
		15	ARO5315C
		18	ARO5318C



Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB

NC
Deep

Đường kính Implant	Kiểu kết nối	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø3.3 (ĐẶT TRƯỚC)	NC	7	ARO3307DC
		8.5	ARO3308DC
		10	ARO3310DC
		11.5	ARO3311DC
		13	ARO3313DC
		15	ARO3315DC
		18	ARO3318DC



NC
Deep

Đường kính Implant	Kiểu kết nối	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø3.7	NC	11.5	ARO3711DC
Ø3.7 (ĐẶT TRƯỚC)	NC	7	ARO3707DC
		8.5	ARO3708DC
		10	ARO3710DC
		13	ARO3713DC
		15	ARO3715DC
		18	ARO3718DC



RC
Deep

Đường kính Implant	Kiểu kết nối	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø4.1	RC	8.5	ARO4108DC
		10	ARO4110DC
		11.5	ARO4111DC
Ø4.1 (ĐẶT TRƯỚC)	RC	7	ARO4107DC
		13	ARO4113DC
		15	ARO4115DC
		18	ARO4118DC



Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB

RC
Deep

Đường kính Implant	Kiểu kết nối	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø4.4	RC	10	ARO4410DC
		11.5	ARO4411DC
Ø4.4 (ĐẶT TRƯỚC)	RC	7	ARO4407DC
		8.5	ARO4408DC
		13	ARO4413DC
		15	ARO4415DC
		18	ARO4418DC



RC
Deep

Đường kính Implant	Kiểu kết nối	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø4.8 (ĐẶT TRƯỚC)	RC	7	ARO4807DC
		8.5	ARO4808DC
		10	ARO4810DC
		11.5	ARO4811DC
		13	ARO4813DC
		15	ARO4815DC
		18	ARO4818DC



RC
Deep

Đường kính Implant	Kiểu kết nối	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø5.3 (ĐẶT TRƯỚC)	RC	7	ARO5307DC
		8.5	ARO5308DC
		10	ARO5310DC
		11.5	ARO5311DC
		13	ARO5313DC
		15	ARO5315DC
		18	ARO5318DC



Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB

RC
Deep

Đường kính Implant	Kiểu kết nối	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø5.8 (ĐẶT TRƯỚC)	RC	7	ARO5807DC
		8.5	ARO5808DC
		10	ARO5810DC
		11.5	ARO5811DC
		13	ARO5813DC
		15	ARO5815DC
		18	ARO5818DC



RC
Deep

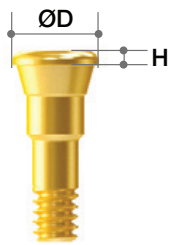
Đường kính Implant	Kiểu kết nối	Chiều dài	Mã sản phẩm
Ø6.3 (ĐẶT TRƯỚC)	RC	7	ARO6307DC
		8.5	ARO6308DC
		10	ARO6310DC
		11.5	ARO6311DC
		13	ARO6313DC
		15	ARO6315DC
		18	ARO6318DC



Cover Screw

- Sử dụng trong loại phẫu thuật vùi kín
- Bảo vệ các cấu trúc bên trong của trụ.
- Có nhiều chiều cao để lựa chọn

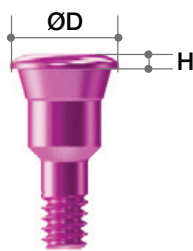
Độ torque khuyến nghị: bằng tay (5 - 8Ncm)



NC

Đường kính	Chiều cao	Mã sản phẩm
Ø3.0	0.5	AROCSN3005
Ø3.0	1.0	AROCSN3010
Ø5.0	0.5	AROCSN5005

** Sản phẩm cần order trước*



RC

Đường kính	Chiều cao	Mã sản phẩm
Ø3.7	0.5	AROCSR3705
Ø3.7	1.0	AROCSR3710
Ø6.0	0.5	AROCSR6005

** Sản phẩm cần order trước*

Umbrella Cover Screw



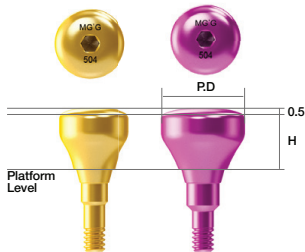
Ngăn chặn implant rơi vào trong xoang hàm, thích hợp với phẫu thuật GBR đơn giản.



Sử dụng với Hand Driver

Healing Abutment

- Sử dụng cho cả phẫu thuật vùi kín & hai thì
 - Giúp tạo dạng emergence profile phù hợp trong suốt quá trình lành thương mô lợi
- Độ torque khuyến nghị: bằng tay (5 - 8Ncm)**



NC

Đường kính	Chiều cao	Mã sản phẩm
Ø3.0 (ĐẶT TRƯỚC)	2	AROHAN302
	3	AROHAN303
	4	AROHAN304
	5	AROHAN305
	6	AROHAN306
	7	AROHAN307
	8	AROHAN308
	9	AROHAN309
Ø4.0 (ĐẶT TRƯỚC)	2	AROHAN402
	3	AROHAN403
	4	AROHAN404
	5	AROHAN405
	6	AROHAN406
	7	AROHAN407
	8	AROHAN408
	9	AROHAN409
Ø5.0 (ĐẶT TRƯỚC)	2	AROHAN502
	3	AROHAN503
	4	AROHAN504
	7	AROHAN507
	8	AROHAN508
	9	AROHAN509
Ø5.0	5	AROHAN505
	6	AROHAN506

RC

Đường kính	Chiều cao	Mã sản phẩm
Ø4.0 (ĐẶT TRƯỚC)	2	AROHAR402
	3	AROHAR403
	4	AROHAR404
	6	AROHAR406
	8	AROHAR408
	9	AROHAR409
Ø4.0	5	AROHAR405
	7	AROHAR407
Ø5.0 (ĐẶT TRƯỚC)	2	AROHAR502
	3	AROHAR503
	7	AROHAR507
	8	AROHAR508
	9	AROHAR509
Ø5.0	4	AROHAR504
	5	AROHAR505
	6	AROHAR506
Ø6.0 (ĐẶT TRƯỚC)	2	AROHAR602
	3	AROHAR603
	4	AROHAR604
	5	AROHAR605
	8	AROHAR608
	9	AROHAR609
Ø6.0	6	AROHAR606
	7	AROHAR607
Ø7.0 (ĐẶT TRƯỚC)	2	AROHAR702
	3	AROHAR703
	4	AROHAR704
	5	AROHAR705
	6	AROHAR706
	7	AROHAR707
	8	AROHAR708
	9	AROHAR709

Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB

Healing Anatomic Abutment

(Theo hình thái giải phẫu)

- Sử dụng cho cả phẫu thuật vùi kín & hai thì.
- Giúp tạo dạng emergence profile phù hợp trong suốt quá trình lành thương mô lợi

Độ torque khuyến nghị: bằng tay (5 - 8Ncm)



NC

Loại	Gắn xa (mm)	Mã lưới (mm)	Vị trí số	Cao (mm)	Kết nối	Mã sản phẩm
Răng cửa (ĐẮT TRƯỚC)	4.0	5.0	I1	4	Octa	AROHIN40504T
				5		AROHIN40505T
				7		AROHIN40507T
	4.5	4.5	I2	4		AROHIN45454T
				5		AROHIN45455T
				7		AROHIN45457T
	6.0	5.0	I3	4		AROHIN60504T
				5		AROHIN60505T
				7		AROHIN60507T
	7.0	6.0	I4	4		AROHIN70604T
				5		AROHIN70605T
				7		AROHIN70607T
	4.0	5.0	I1	4	Non Octa	AROHIN40504NT
				5		AROHIN40505NT
				7		AROHIN40507NT
	4.5	4.5	I2	4		AROHIN45454NT
				5		AROHIN45455NT
				7		AROHIN45457NT
	6.0	5.0	I3	4		AROHIN60504NT
				5		AROHIN60505NT
				7		AROHIN60507NT
	7.0	6.0	I4	4		AROHIN70604NT
				5		AROHIN70605NT
				7		AROHIN70607NT

Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB

Healing Anatomic



RC

Loại	Gắn xa (mm)	Mã lưới (mm)	Vị trí số	Cao (mm)	Kết nối	Mã sản phẩm
Răng cửa (ĐẶT TRƯỚC)	4.0	5.0	I1	4	Octa	AROHIR40504T
				5		AROHIR40505T
				7		AROHIR40507T
	4.5	4.5	I2	4		AROHIR45454T
				5		AROHIR45455T
				7		AROHIR45457T
	6.0	5.0	I3	4		AROHIR60504T
				5		AROHIR60505T
				7		AROHIR60507T
	7.0	6.0	I4	4		AROHIR70604T
				5		AROHIR70605T
				7		AROHIR70607T
	4.0	5.0	I1	4	Non Octa	AROHIR40504NT
				5		AROHIR40505NT
				7		AROHIR40507NT
	4.5	4.5	I2	4		AROHIR45454NT
				5		AROHIR45455NT
				7		AROHIR45457NT
	6.0	5.0	I3	4		AROHIR60504NT
				5		AROHIR60505NT
				7		AROHIR60507NT
	7.0	6.0	I4	4		AROHIR70604NT
				5		AROHIR70605NT
				7		AROHIR70607NT

Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB



NC

Loại	Gắn xa (mm)	Mã lưỡi (mm)	Vị trí số	Cao (mm)	Kết nối	Mã sản phẩm
Răng nanh (ĐẶT TRƯỚC)	5.0	6.5	C1	4	Octa	AROHCN50654T
				5		AROHCN50655T
				7		AROHCN50657T
	5.0	6.5	C1	4	Non Octa	AROHCN50654NT
				5		AROHCN50655NT
				7		AROHCN50657NT

RC

Loại	Gắn xa (mm)	Mã lưỡi (mm)	Vị trí số	Cao (mm)	Kết nối	Mã sản phẩm
Răng nanh (ĐẶT TRƯỚC)	5.0	6.5	C1	4	Octa	AROHCR50654T
				5		AROHCR50655T
				7		AROHCR50657T
	5.0	6.5	C1	4	Non Octa	AROHCR50654NT
				5		AROHCR50655NT
				7		AROHCR50657NT



Loại	Gắn xa (mm)	Mã lưỡi (mm)	Vị trí số	Cao (mm)	Kết nối	Mã sản phẩm
Răng cối nhỏ (ĐẶT TRƯỚC)	4.5	6.0	P1	4	Octa	AROHR45604T
				5		AROHR45605T
				7		AROHR45607T
	5.0	7.0	P2	4		AROHR50704T
				5		AROHR50705T
				7		AROHR50707T
	4.5	6.0	P1	4	Non Octa	AROHR45604NT
				5		AROHR45605NT
				7		AROHR45607NT
	5.0	7.0	P2	4		AROHR50704NT
				5		AROHR50705NT
				7		AROHR50707NT

Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB

Healing Anatomic



Loại	Gắn xa (mm)	Mã lưỡi (mm)	Vị trí số	Cao (mm)	Kết nối	Mã sản phẩm
Răng cối lớn (ĐẶT TRƯỚC)	6.0	7.0	M1	4	Octa	AROHMR60704T
				5		AROHMR60705T
				7		AROHMR60707T
	6.0	8.0	M2	4		AROHMR60804T
				5		AROHMR60805T
				7		AROHMR60807T
	6.0	9.0	M3	4		AROHMR60904T
				5		AROHMR60905T
				7		AROHMR60907T
	7.0	8.0	M4	4		AROHMR70804T
				5		AROHMR70805T
				7		AROHMR70807T
	7.0	9.0	M5	4		AROHMR70904T
				5		AROHMR70905T
				7		AROHMR70907T
	7.0	10.0	M6	4		AROHMR70104T
				5		AROHMR70105T
				7		AROHMR70107T
	8.0	9.0	M7	4		AROHMR80904T
				5		AROHMR80905T
				7		AROHMR80907T
	8.0	10.0	M8	4		AROHMR80104T
				5		AROHMR80105T
				7		AROHMR80107T

Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB

Healing Anatomic



Loại	Gắn xa (mm)	Mã lưới (mm)	Vị trí số	Cao (mm)	Kết nối	Mã sản phẩm
Răng cối lớn (ĐẶT TRƯỚC)	6.0	7.0	M1	4	Non Octa	AROHMR60704NT
				5		AROHMR60705NT
				7		AROHMR60707NT
	6.0	8.0	M2	4		AROHMR60804NT
				5		AROHMR60805NT
				7		AROHMR60807NT
	6.0	9.0	M3	4		AROHMR60904NT
				5		AROHMR60905NT
				7		AROHMR60907NT
	7.0	8.0	M4	4		AROHMR70804NT
				5		AROHMR70805NT
				7		AROHMR70807NT
	7.0	9.0	M5	4		AROHMR70904NT
				5		AROHMR70905NT
				7		AROHMR70907NT
	7.0	10.0	M6	4		AROHMR70104NT
				5		AROHMR70105NT
				7		AROHMR70107NT
	8.0	9.0	M7	4		AROHMR80904NT
				5		AROHMR80905NT
				7		AROHMR80907NT
	8.0	10.0	M8	4		AROHMR80104NT
				5		AROHMR80105NT
				7		AROHMR80107NT

Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB



Loại	Gắn xa (mm)	Mã lưỡi (mm)	Vị trí số	Cao (mm)	Kết nối	Mã sản phẩm
Đặc biệt (ĐẶT TRƯỚC)	4.5	6.0	S1	4	Octa	AROHSR45604T
				5		AROHSR45605T
				7		AROHSR45607T
	5.0	6.5	S2	4		AROHSR50654T
				5		AROHSR50655T
				7		AROHSR50657T
	5.0	7.0	S3	4		AROHSR50704T
				5		AROHSR50705T
				7		AROHSR50707T
	6.0	7.0	S4	4		AROHSR60704T
				5		AROHSR60705T
				7		AROHSR60707T
	6.0	8.0	S5	4		AROHSR60804T
				5		AROHSR60805T
				7		AROHSR60807T
	6.0	9.0	S6	4		AROHSR60904T
				5		AROHSR60905T
				7		AROHSR60907T
	7.0	8.0	S7	4		AROHSR70804T
				5		AROHSR70805T
				7		AROHSR70807T
	7.0	9.0	S8	4		AROHSR70904T
				5		AROHSR70905T
				7		AROHSR70907T
	7.0	10.0	S9	4		AROHSR70104T
				5		AROHSR70105T
				7		AROHSR70107T
	8.0	9.0	S10	4		AROHSR80904T
				5		AROHSR80905T
				7		AROHSR80907T
	8.0	10.0	S11	4		AROHSR80104T
				5		AROHSR80105T
				7		AROHSR80107T

Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB



Loại	Gắn xa (mm)	Mã lưỡi (mm)	Vị trí số	Cao (mm)	Kết nối	Mã sản phẩm
Đặc biệt (ĐẶT TRƯỚC)	4.5	6.0	S1	4	Non Octa	AROHSR45604NT
				5		AROHSR45605NT
				7		AROHSR45607NT
	5.0	6.5	S2	4		AROHSR50654NT
				5		AROHSR50655NT
				7		AROHSR50657NT
	5.0	7.0	S3	4		AROHSR50704NT
				5		AROHSR50705NT
				7		AROHSR50707NT
	6.0	7.0	S4	4		AROHSR60704NT
				5		AROHSR60705NT
				7		AROHSR60707NT
	6.0	8.0	S5	4		AROHSR60804NT
				5		AROHSR60805NT
				7		AROHSR60807NT
	6.0	9.0	S6	4		AROHSR60904NT
				5		AROHSR60905NT
				7		AROHSR60907NT
	7.0	8.0	S7	4		AROHSR70804NT
				5		AROHSR70805NT
				7		AROHSR70807NT
	7.0	9.0	S8	4		AROHSR70904NT
				5		AROHSR70905NT
				7		AROHSR70907NT
	7.0	10.0	S9	4		AROHSR70104NT
				5		AROHSR70105NT
				7		AROHSR70107NT
	8.0	9.0	S10	4		AROHSR80904NT
				5		AROHSR80905NT
				7		AROHSR80907NT
	8.0	10.0	S11	4		AROHSR80104NT
				5		AROHSR80104NT
				7		AROHSR80107NT

Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB

EZ Post Abutment

- Sử dụng cho phục hình gắn cement
- Thiết kế S-line sinh học cho dáng vẻ tự nhiên và emergence profile tốt hơn.

Độ torque khuyến nghị: 35Ncm



NC

Đường kính Profile	Chiều cao cổ	Chiều cao trụ	Mã sản phẩm
Ø4.0 (ĐẶT TRƯỚC)	1	4.0	AROEPN4014T
	2		AROEPN4024T
	3		AROEPN4034T
	4		AROEPN4044T
	5		AROEPN4054T
Ø4.0	2	5.5	AROEPN4025T
Ø4.0 (ĐẶT TRƯỚC)	1	5.5	AROEPN4015T
	3		AROEPN4035T
	4		AROEPN4045T
	5		AROEPN4055T
Ø4.0	3	7.0	AROEPN4037T
Ø4.0 (ĐẶT TRƯỚC)	1	7.0	AROEPN4017T
	2		AROEPN4027T
	4		AROEPN4047T
	5		AROEPN4057T



NC

Đường kính Profile	Chiều cao cổ	Chiều cao trụ	Mã sản phẩm
Ø5.0 (ĐẶT TRƯỚC)	1	4.0	AROEPN5014T
	2		AROEPN5024T
	3		AROEPN5034T
	4		AROEPN5044T
	5		AROEPN5054T
Ø5.0 (ĐẶT TRƯỚC)	1	5.5	AROEPN5015T
	2		AROEPN5025T
	3		AROEPN5035T
	4		AROEPN5045T
	5		AROEPN5055T
Ø5.0	2	7.0	AROEPN5027T
	3		AROEPN5037T
Ø5.0 (ĐẶT TRƯỚC)	1	7.0	AROEPN5017T
	4		AROEPN5047T
	5		AROEPN5057T

Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB



RC

Đường kính Profile	Chiều cao cổ	Chiều cao trụ	Mã sản phẩm
Ø6.0 (ĐẶT TRƯỚC)	1	4.0	AROEPR6014T
	2		AROEPR6024T
	3		AROEPR6034T
	4		AROEPR6044T
	5		AROEPR6054T
	1	5.5	AROEPR6015T
	2		AROEPR6025T
	3		AROEPR6035T
	4		AROEPR6045T
	5		AROEPR6055T
	1	7.0	AROEPR6017T
	2		AROEPR6027T
	3		AROEPR6037T
	4		AROEPR6047T
	5		AROEPR6057T



RC

Đường kính Profile	Chiều cao cổ	Chiều cao trụ	Mã sản phẩm
Ø7.0 (ĐẶT TRƯỚC)	1	4.0	AROEPR7014T
	2		AROEPR7024T
	3		AROEPR7034T
	4		AROEPR7044T
	5		AROEPR7054T
	1	5.5	AROEPR7015T
	2		AROEPR7025T
	3		AROEPR7035T
	4		AROEPR7045T
	5		AROEPR7055T
	1	7.0	AROEPR7017T
	2		AROEPR7027T
	3		AROEPR7037T
	4		AROEPR7047T
	5		AROEPR7057T

RC

Đường kính Profile	Chiều cao cổ	Chiều cao trụ	Mã sản phẩm
Ø5.0 (ĐẶT TRƯỚC)	1	4.0	AROEPR5014T
	2		AROEPR5024T
	3		AROEPR5034T
	4		AROEPR5044T
	5		AROEPR5054T
	1	5.5	AROEPR5015T
	2		AROEPR5025T
	3		AROEPR5035T
	4		AROEPR5045T
	5		AROEPR5055T



RC

Đường kính Profile	Chiều cao cổ	Chiều cao trụ	Mã sản phẩm
Ø5.0 (ĐẶT TRƯỚC)	1	7.0	AROEPR5017T
	2		AROEPR5027T
	3		AROEPR5037T
	4		AROEPR5047T
	5		AROEPR5057T

Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB

Angled Abutment

- Bao gồm 16 hướng: 8 (Octa) & 8 (Octa edge)
- Tối giản hóa chiều dài & chiều cao đầu vít để tránh các vấn đề khi cắt sửa cùi.

Độ torque khuyến nghị: 35Ncm



NC

Đường kính Profile	Chiều cao cổ	Loại	Góc	Mã sản phẩm
Ø4.0	1	Octa	15°	AR0AAON4115T
	2			AR0AAON4215T
	3			AR0AAON4315T
	4			AR0AAON4415T
	5			AR0AAON4515T

ZrGen Abutment (Tibase)



Đường kính Profile	Màu	Loại	Mã sản phẩm
Ø10	Vàng	Octa	AROTGN1020.MTN
Ø12	Vàng		AROTGN1220.MTN
Ø10	Bạc		AROTGR1020.MTN
Ø12	Bạc		AROTGR1220.MTN

Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB

Scan Abutment

Hỗ trợ các phần mềm kỹ thuật số Dental CAD 3Shape / Exocad / Dental Wings

Độ torque khuyến nghị: bằng tay (5~8Ncm)



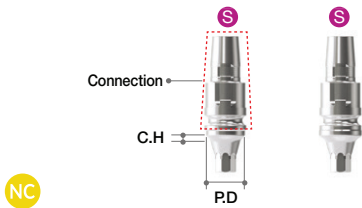
Đường kính Profile	Hệ thống	Cao	Mã sản phẩm
Ø4.0	NC	13	AROSANT
	RC		AROSART

Scan Abutments (C-type)

- Sử dụng khi không bộc lộ được tốt phần cùi của ZrGEN Abutment (C-type) do kích thước nhỏ hoặc khi việc quét khó khăn do các cản trở trong môi trường miệng, ví dụ như các răng kế Cận.

- Trong phần mềm kỹ thuật số tại lab, tích hợp với thư viện Xive Library.

Độ torque khuyến nghị: Bằng tay (5~8Ncm)



Đường kính Profile	Cao lợi (mm)	Kết nối	Mã sản phẩm
Ø3.9 (ĐẶT TRƯỚC)	0.5	S	AROCSS3405NT
	1.0		AROCSS3410NT
	2.0		AROCSS3420NT
Ø4.3 (ĐẶT TRƯỚC)	0.5		AROCSS3805NT
	1.0		AROCSS3810NT
	2.0		AROCSS3820NT

Đường kính Profile	Cao lợi (mm)	Kết nối	Mã sản phẩm
Ø3.9 (ĐẶT TRƯỚC)	0.5	S	AROCSS3405RT
	1.0		AROCSS3410RT
	2.0		AROCSS3420RT
	0.5		AROCSS3805RT
Ø4.3 (ĐẶT TRƯỚC)	0.5	S	AROCSS3805RT
	1.0		AROCSS3810RT
	2.0		AROCSS3820RT
Ø5.5 (ĐẶT TRƯỚC)	0.5	L	AROCSL4505RT
	1.0		AROCSL4510RT
	2.0		AROCSL4520RT

Số công bố: 220001918/PCBA-HCM

Scan Healing Abutment

Để quét chính xác, Scan Healing Abutment phải lộ ít nhất 2.0 mm trên vị trí phẫu thuật.

Độ torque khuyến nghị: bằng tay (5~8Ncm)



NC

Đường kính Profile	Cao (mm)	Mã sản phẩm
Ø4.0 (ĐẶT TRƯỚC)	4	AROISHN4004T
	5	AROISHN4005T
	7	AROISHN4007T
Ø5.0 (ĐẶT TRƯỚC)	4	AROISHN5004T
	5	AROISHN5005T
	7	AROISHN5007T

RC

Đường kính Profile	Cao (mm)	Mã sản phẩm
Ø4.0 (ĐẶT TRƯỚC)	4	AROISHR4004T
	5	AROISHR4005T
	7	AROISHR4007T
Ø5.0 (ĐẶT TRƯỚC)	4	AROISHR5004T
	5	AROISHR5005T
	7	AROISHR5007T
Ø6.0 (ĐẶT TRƯỚC)	4	AROISHR6004T
	5	AROISHR6005T
	7	AROISHR6007T
Ø7.0 (ĐẶT TRƯỚC)	4	AROISHR7004T
	5	AROISHR7005T
	7	AROISHR7007T

Số công bố: 220001918/PCBA-HCM

Scan Post

- Lựa chọn Scan Post dựa trên đường kính của Scan Healing Abutment
- Scan Post là sản phẩm chỉ dùng 1 lần.
- 1 set chứa 10 Scan Post.



Đường kính	Chiều cao	Mã sản phẩm
Ø4.0	6.5	SP4007.MTN
Ø5.0		SP5007.MTN
Ø6.0		SP6007.MTN
Ø7.0		SP7007.MTN

Scan Post Carrier

- Sử dụng để kết nối với đầu của scan post.
- Sử dụng để chuyển dấu trụ implant sau khi đã kết nối với scan healing abutment.

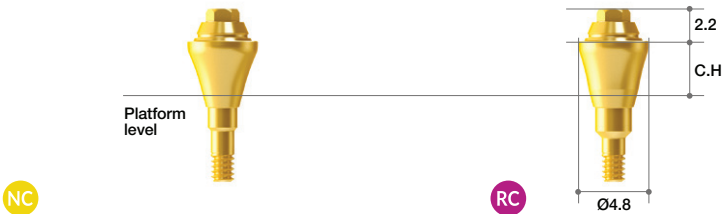


Đường kính	Chiều cao	Mã sản phẩm
Ø5.0	19	SPC16

Số công bố: 220001918/PCBA-HCM

Multi-unit Abutment thẳng

Độ torque khuyến nghị: 35Ncm



NC

RC

Cao lợi	Loại	Mã sản phẩm
1.5	1-piece (M1.6)	MUAARONN0015C
2.5		MUAARONN0025C
3.5		MUAARONN0035C
4.5		MUAARONN0035C

* Sản phẩm đặt trước

Cao lợi	Loại	Mã sản phẩm
1.5	1-piece (M1.6)	MUAARORN0015C
2.5		MUAARORN0025C
3.5		MUAARORN0035C
4.5		MUAARORN0045C

* Sản phẩm đặt trước

Multi-unit Angled Abutment 17°

Độ torque khuyến nghị: 25Ncm



NC

RC

Cao lợi (phía má) [mm]	Loại	Mã sản phẩm
2.5 (1.1)	Octa	MUAARONO1725TC
3.5 (2.1)		MUAARONO1735TC
4.5 (3.1)		MUAARONO1745TC
2.5 (1.1)	Non Octa	MUAARONN1725TC
3.5 (2.1)		MUAARONN1735TC
4.5 (3.1)		MUAARONN1745TC

* Sản phẩm đặt trước

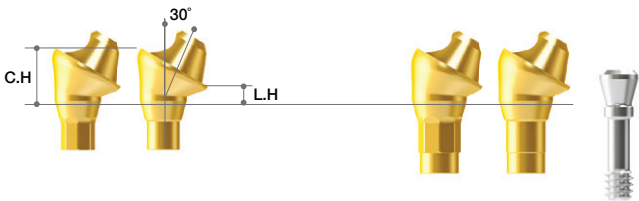
Cao lợi (phía má) [mm]	Loại	Mã sản phẩm
2.5 (1.1)	Octa	MUAARORO1725TC
3.5 (2.1)		MUAARORO1735TC
4.5 (3.1)		MUAARORO1745TC
2.5 (1.1)	Non Octa	MUAARORN1725TC
3.5 (2.1)		MUAARORN1735TC
4.5 (3.1)		MUAARORN1745TC

* Sản phẩm đặt trước

Số công bố: 2403986ĐKLH/BYT-HTTB

Multi-unit Angled Abutment 30°

Độ torque khuyến nghị: 25Ncm



NC

Cao lợi [phía má] [mm]	Loại	Mã sản phẩm
3.5 (1.1)	Octa	MUAARONO3035TC
4.5 (2.1)		MUAARONO3045TC
3.5 (1.1)	Non Octa	MUAARONN3035TC
4.5 (2.1)		MUAARONN3045TC

* Sản phẩm đặt trước

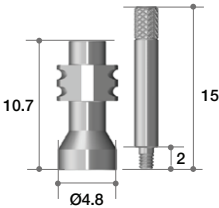
RC

Cao lợi [phía má] [mm]	Loại	Mã sản phẩm
3.5 (1.1)	Octa	MUAARORO3035TC
4.5 (2.1)		MUAARORO3045TC
3.5 (1.1)	Non Octa	MUAARORN3035TC
4.5 (2.1)		MUAARORN3045TC

* Sản phẩm đặt trước

Impression Coping

(Lấy dấu truyền thống)

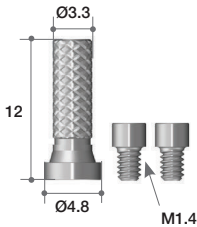


Kết nối	Mã sản phẩm
Non-Hex	MUAICT

Temporary Cylinder

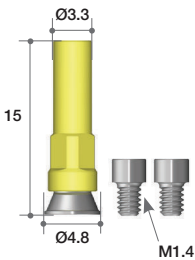
- Sử dụng với phục hình nhựa tạm thời.
- Cấu trúc rãnh trên thân cùi Cylinder cho phép bám dính resin tốt hơn.

Độ torque khuyến nghị: 15Ncm



Kết nối	Mã sản phẩm
Non-Hex	MUATCL

Có bán lẻ vít Cylinder screws (Mã: MUAS)

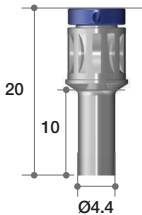


CCM Cylinder truyền thống

Độ torque khuyến nghị: 15Ncm

Kết nối	Mã sản phẩm
Non-Hex	MUACCML

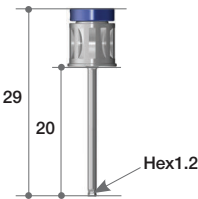
Có bán lẻ vít Cylinder screws (Mã: MUAS)



Multi Unit Driver (Cây vặn Multi thẳng)

Độ torque khuyến nghị: 15Ncm

Đường kính	Chiều cao	Mã sản phẩm
Ø2.0	10	MUD10



Removal Driver (Cây vặn Multi thẳng)

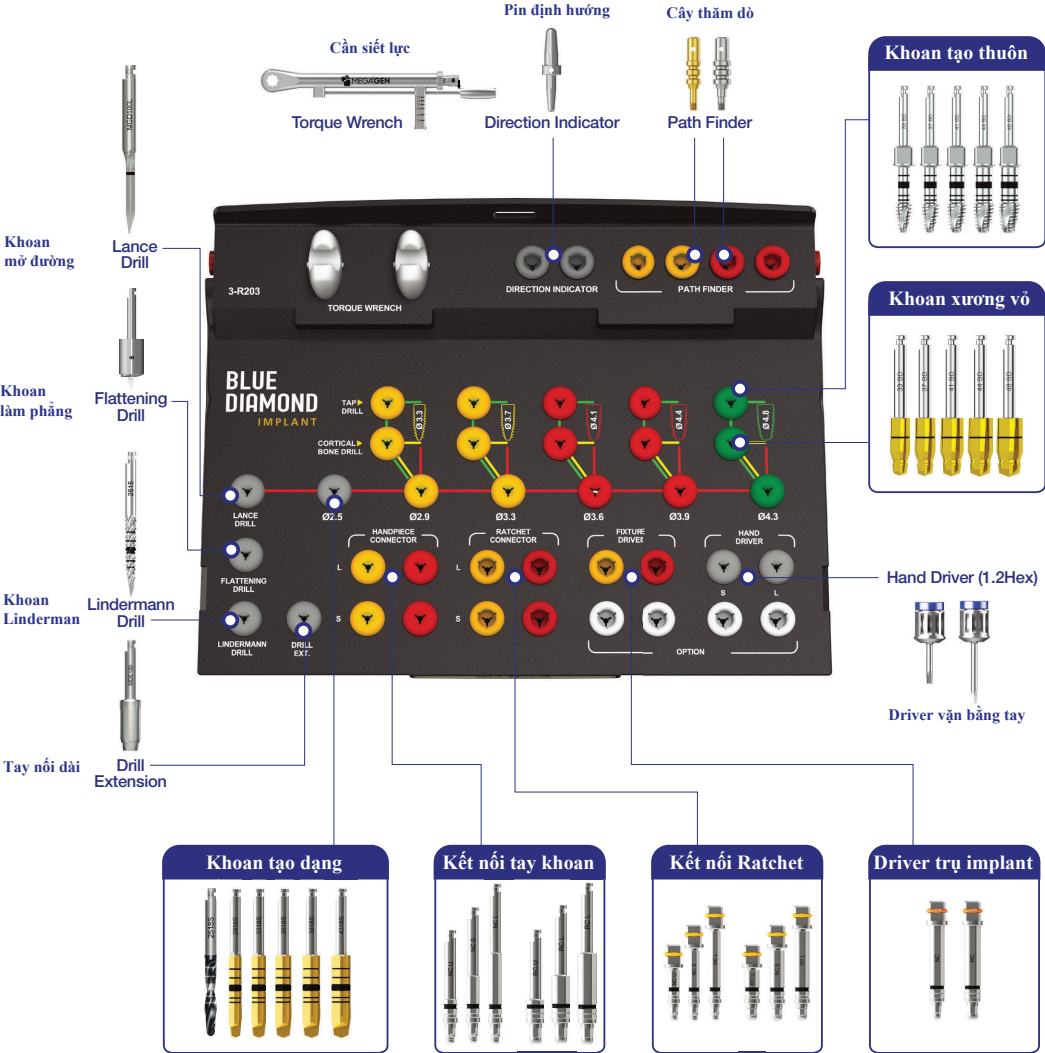
Độ Torque khuyến nghị: Dưới 30 Ncm

Đường kính	Chiều cao	Mã sản phẩm
Ø1.2	20	MURD20

Kit phẫu thuật tiêu chuẩn

Mã sản phẩm

KARO3003



Số công bố: 230000943/PCBB-HCM

Kit phẫu thuật (Full)

Mã sản phẩm

KARO3001

Pin định hướng

Cây thăm dò

Cần siết lực

Torque Wrench

Direction Indicator

Path Finder

Kết nối tay khoan

Kết nối Ratchet

Driver trụ implant

Hand Drivers (1.2Hex)

Driver vận bằng tay

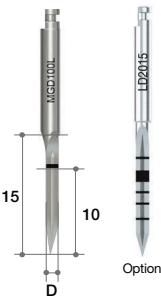
Stopper Drills

Mũi khoan có stop

Số công bố: 230000943/PCBB-HCM

Lance Drill

Hữu ích khi đánh dấu điểm khoan trên xương vỏ để xác định vị trí hố khoan

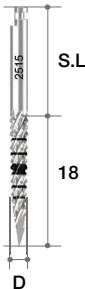


Đường kính Profile	Loại	Mã sản phẩm
Ø2.0	Long	MGD100L
	Short	*LD2015
	Long	*LD2025
	Ultra-Long	*LD2030

* Sản phẩm cần order trước

Lindermann Drill

Sử dụng để sửa hướng trong khi đang khoan

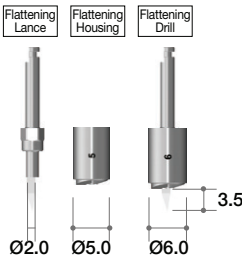


Đường kính Profile	Shank Length(mm)	Mã sản phẩm
Ø2.5	15 (Short)	LDMD2515
	20 (Middle)	*LDMD2520
	25 (Long)	*LDMD2525

* Sản phẩm cần order trước

Flattening Drill

- Trong các tình huống xương mấp mô, mũi khoan stopper có thể định vị chính xác độ sâu nếu xương được làm phẳng.
- 2 thành phần: Flattening Lance và Housing được kết nối với nhau. Có 2 đường kính Housing (Ø5.0 & Ø6.0) tương ứng với đường kính của mũi khoan sau cùng.
- Ø5.0 = Mũi khoan Stopper Drill Ø2.0~ Ø4.3
- Ø6.0 = Mũi khoan Stopper Drill Ø4.8~ Ø5.4



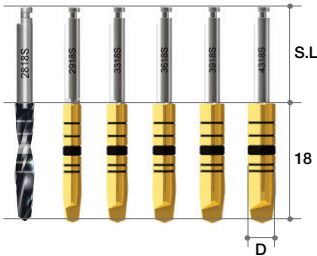
Đường kính Profile	Dài (mm)	Mã sản phẩm
Ø5.0 / Ø2.0	3.5	FD5020
Ø6.0 / Ø2.0		*FD6020

* Sản phẩm cần order trước

Số công bố: 230000943/PCBB-HCM

Shaping Drill

- Mỗi mũi khoan đều có vạch chia từ 7.0mm tới 15.0mm
- Đánh dấu trên các mũi khoan tạo dạng thường dài hơn 0.8mm so với trụ, nhằm đảm bảo rằng trụ sẽ được đặt sâu 1mm dưới mào xương.



Stopper Drill
(loại cán dài)

Sử dụng loại cán dài giúp tránh cản trở của các răng kế cận.



Đường kính Profile	Lưới cắt (mm)	Cán (mm)	Mã sản phẩm
Ø2.5 (ĐẶT TRƯỚC)	18	15(Short)	SD2518S
		25(Long)	*SD2518L
Ø2.9 (ĐẶT TRƯỚC)		15(Short)	AROSD2918S
		25(Long)	*AROSD2918L
Ø3.3 (ĐẶT TRƯỚC)		15(Short)	AROSD3318S
		25(Long)	*AROSD3318L
Ø3.6 (ĐẶT TRƯỚC)		15(Short)	AROSD3618S
		25(Long)	*AROSD3618L
Ø3.9 (ĐẶT TRƯỚC)		15(Short)	AROSD3918S
		25(Long)	*AROSD3918L
Ø4.3 (ĐẶT TRƯỚC)		15(Short)	AROSD4318S
		25(Long)	*AROSD4318L

* Sản phẩm cần order trước

Đường kính Profile	Lưới cắt (mm)	Cán (mm)	Mã sản phẩm
Ø2.5	7.0	25	*SD2507L
	8.5	24	*SD2508L
Ø2.9	7.0	25	*AROSD2907L
	8.5	24	*AROSD2908L
Ø3.3	7.0	25	*AROSD3307L
	8.5	24	*AROSD3308L
Ø3.6	7.0	25	*AROSD3607L
	8.5	24	*AROSD3608L
Ø3.9	7.0	25	*AROSD3907L
	8.5	24	*AROSD3908L
Ø4.3	7.0	25	*AROSD4307L
	8.5	24	*AROSD4308L

* Sản phẩm cần order trước

Stopper Drill

Mỗi đường kính đều có các chiều dài mũi khoan 7.0 / 8.5/ 10 / 11.5mm

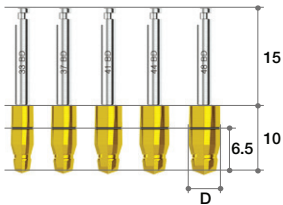


Đường kính Profile	Lưỡi cắt (mm)	Mã sản phẩm
Ø2.5	7.0	SD2507M
	8.5	SD2508M
	10	SD2510M
	11.5	SD2511M
Ø2.9	7.0	AROSD2907M
	8.5	AROSD2908M
	10	AROSD2910M
	11.5	AROSD2911M
Ø3.3	7.0	AROSD3307M
	8.5	AROSD3308M
	10	AROSD3310M
	11.5	AROSD3311M
Ø3.6	7.0	AROSD3607M
	8.5	AROSD3608M
	10	AROSD3610M
	11.5	AROSD3611M
Ø3.9	7.0	AROSD3907M
	8.5	AROSD3908M
	10	AROSD3910M
	11.5	AROSD3911M
Ø4.3	7.0	AROSD4307M
	8.5	AROSD4308M
	10	AROSD4310M
	11.5	AROSD4311M

* Sản phẩm cần order trước

Cortical Bone Drill

Sử dụng để loại bỏ & tạo dạng xương vỏ để kiểm soát độ ổn định sơ khởi trong vùng xương cứng (type II)



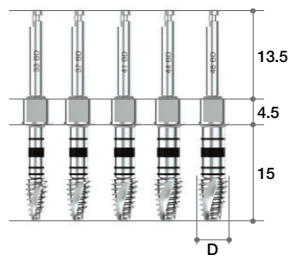
Đường kính Profile	Lưỡi cắt (mm)	Cán (mm)	Mã sản phẩm
Ø3.6	10	15	AROCD33
Ø4.0			AROCD37
Ø4.4			AROCD41
Ø4.7			AROCD44
Ø5.0			AROCD48

* Sản phẩm cần order trước

Số công bố: 230000943/PCBB-HCM

Tap Drill

Có thể dùng với cả tay khoan (máy cấy implant) & tay vặn Ratchet Wrench

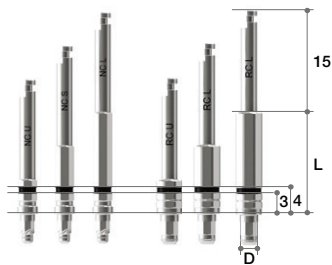


Đường kính Profile	Vạch chia	Mã sản phẩm
Ø3.6	7/ 8.5/ 10/ 11.5/ 13/ 15	AROTD33
Ø4.0		AROTD37
Ø4.4		AROTD41
Ø4.7		AROTD44
Ø5.0		AROTD48

* Sản phẩm cần order trước

Handpiece Connector

- Sử dụng với tay khoan khi lấy trụ & trong khi cấy trụ.
- Điểm đánh dấu đầu tiên trên cán chỉ thị ngang mức fixture platform
- Các điểm đánh dấu màu đen tiếp theo ở bên dưới lần lượt chỉ thị các mức 3mm & 4mm tính từ platform.
- Đặc biệt hữu ích trong các phẫu thuật không lật vạt.



Dài	Loại	Kết nối	Mã sản phẩm
5	Ultra-short	NC	*AROHCU21
10	Short		AROHCS21
15	Long		AROHCL21
5	Ultra-short	RC	*AROHCU25
10	Short		AROHCS25
15	Long		AROHCL25

* Sản phẩm cần order trước

Số công bố: 230000943/PCBB-HCM

Ratchet Connector

- Sử dụng cùng Ratchet Wrench khi đặt hoặc tháo trụ.
- Các vạch chia trên cán chỉ thị vị trí platform
- Các điểm đánh dấu màu đen tiếp theo ở bên dưới lần lượt chỉ thị các mức 3mm & 4mm tính từ platform.
- Phần cổ có thể bị gãy khi sử dụng lực torque từ 190 Ncm trở lên (Khuyến nghị sử dụng mức torque 80 Ncm hoặc tí hơn)



Dài	Loại	Kết nối	Mã sản phẩm
5	Ultra-short	NC	*ARORCU21
10	Short		ARORCS21
15	Long		ARORCL21
5	Ultra-short	RC	*ARORCU25
10	Short		ARORCS25
15	Long		ARORCL25

* Sản phẩm cần order trước

Fixture Driver

- Nếu Ratchet Connector bị vỡ do torque quá mức trong khi cấy ghép, hãy kết nối Fixture Driver với Torque Wrench (Ratchet type) để tháo trụ.
- Lực quá mức có thể gây phá hủy cấu trúc Octa bên trong trụ.



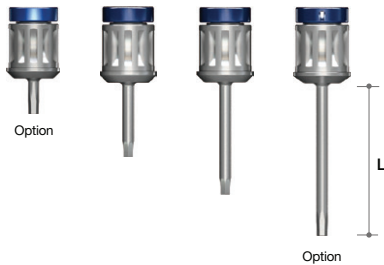
Dài	Kết nối	Mã sản phẩm
20	NC	AROFDN
	RC	AROFRD

* Sản phẩm cần order trước

Số công bố: 230000943/PCBB-HCM

Hand Driver (1.2 Hex)

- Sử dụng với tất cả các Cover Screws, Abutment Screws & Healing Abutments
- Có thể kết nối trực tiếp với Torque Wrench mà không cần adapter chuyển tiếp.
- Đầu tip lục giác có thể chịu được mức torque 35-45Ncm mà không bị tét.



Dài (mm)	Loại	Mã sản phẩm
5	Ultra-short	*TCMHDU1200
10	Short	TCMHDS1200
15	Long	TCMHDL1200
20	Extra-long	*TCMHDE1200

* Sản phẩm cần order trước

Drill Extension

- Dùng để nối dài tay khoan & các dụng cụ khoan khác
- Mức torque tối đa 45Ncm: có thể bị tét khi torque quá mức.



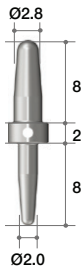
Mã sản phẩm

MDE150

(ĐẶT TRƯỚC)

Direction Indicator

Xác nhận hướng khoan & kiểm tra độ song song, giúp định hướng tiếp theo cho việc mở rộng lỗ khoan.



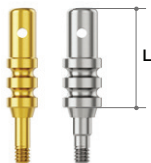
Dài (mm)	Mã sản phẩm
Ø2.0 / Ø2.8	MDI100

* Sản phẩm cần order trước

Số công bố: 230000943/PCBB-HCM

Path Finder

- Sử dụng để căn độ song song của các trụ trong cấy ghép.
- Các rãnh chỉ thị chiều cao lợi, đặc biệt hữu ích trong các phẫu thuật không lật vạt.

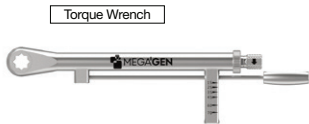


Dài	Kết nối	Mã sản phẩm
10	NC	AROPFN
	RC	AROPFR

* Sản phẩm cần order trước

Torque Wrench (Ratchet type)

- Phạm vi torque: 15Ncm to 70Ncm
- Sử dụng khi đặt implant & siết vít abutment

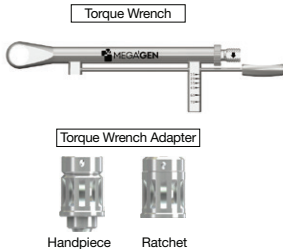


Loại	Mã sản phẩm
Torque Wrench	TWSQ70

* Sản phẩm cần order trước

Torque Wrench & Adapter

- Phạm vi torque: 15Ncm to 70Ncm
- Sử dụng khi đặt implant & siết vít abutment.



Loại	Mã sản phẩm
Torque Wrench (~70Ncm)	*TW70
Torque Wrench (~45Ncm)	*MTW300A
Torque Wrench Adapter (Handpiece)	*TTAI100
Torque Wrench Adapter (Ratchet)	*TTAR100

* Sản phẩm cần order trước

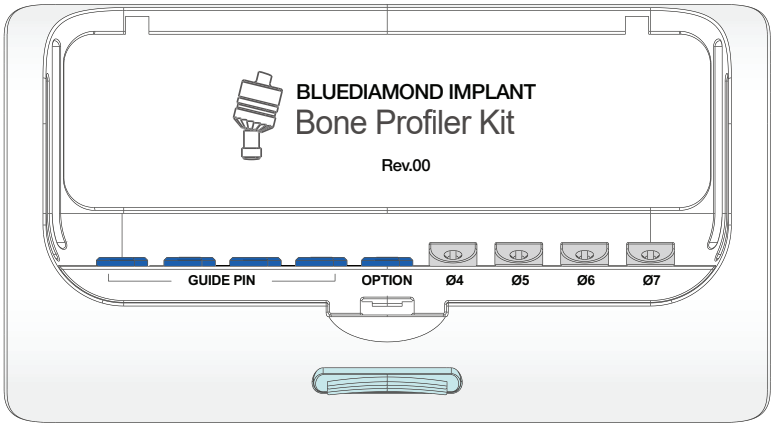
Số công bố: 230000943/PCBB-HCM

Bone Profile Kit

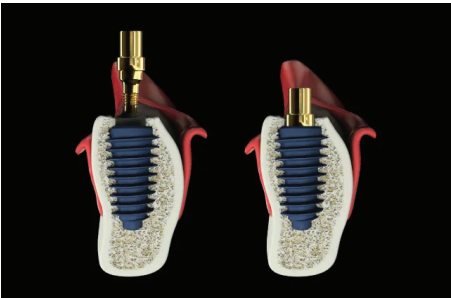
Mã sản phẩm

KARO3003

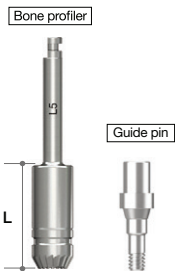
Loại bỏ vùng xương nhô ra xung quanh trụ, giúp Healing Abutment/Abutment phục hình có thể gắn hoàn toàn vào trụ.



Đặt Guide Pin vào trụ để xác định đúng hướng và đảm bảo không có mảnh vụn nào lọt vào thân trụ



Chọn Bone Profiler phù hợp và mài xương xung quanh.



Đường kính Profile	Loại	Mã sản phẩm
Ø4	13	AROBPL40G
Ø5		AROBPL50G
Ø6	8	AROBPS60G
Ø7		AROBPS70G

* Mỗi bone profiler đều có thể đặt lẻ

Số công bố: 220002884/PCBB-HCM

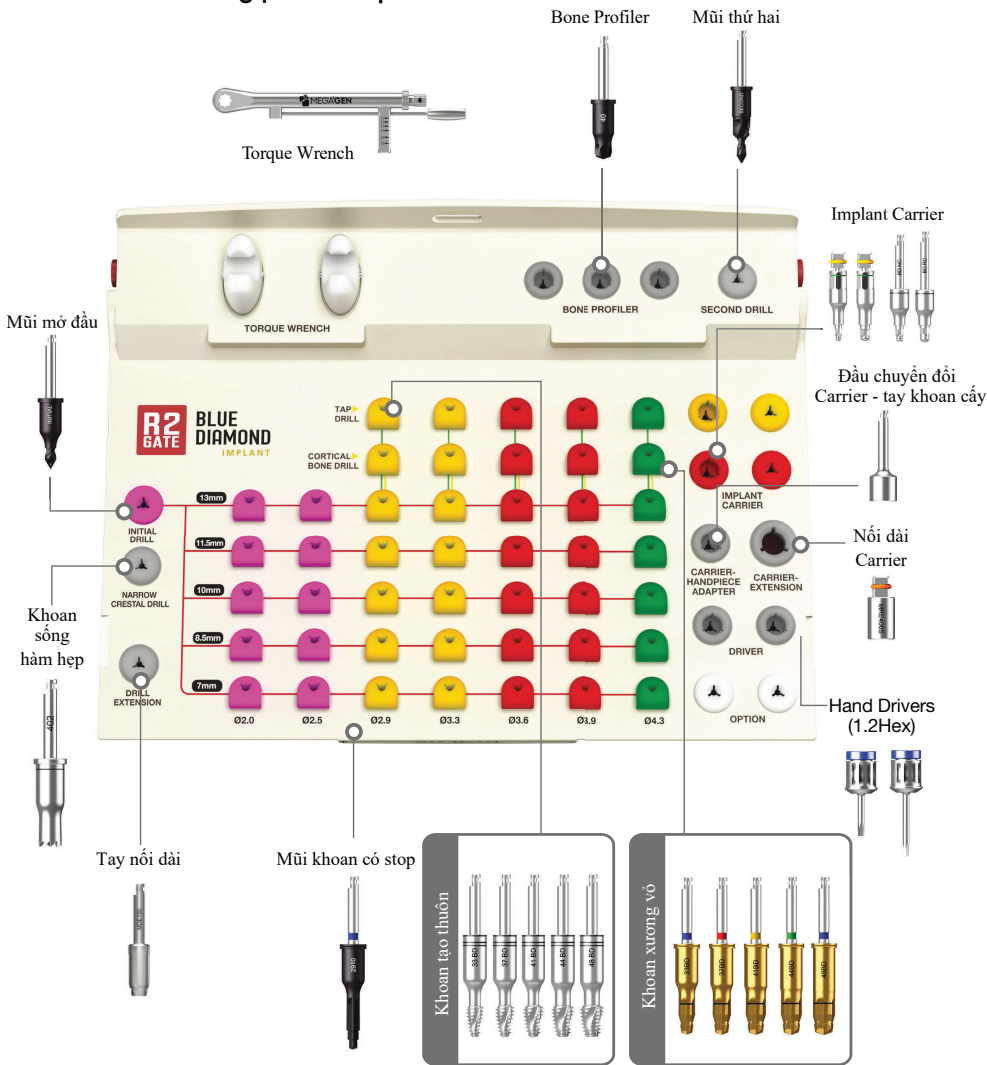
Kit phẫu thuật máng R2

Mã sản phẩm

KAGIN3002

Chứa tất cả các mũi khoan & các thành phần cần thiết để thực hiện phẫu thuật có hướng dẫn kỹ thuật số - Digital Guided Surgery - sử dụng BLUE-DIAMOND R2 GUIDE sau khi đã xác lập chẩn đoán trên phần mềm R2GATE.

Phẫu thuật xâm lấn tối thiểu có thể mang lại kết quả tương đương, trong khi giảm thiểu tối đa các sai số trong phẫu thuật.



Số công bố: 230000943/PCBB-HCM